

Vaco-pola²

Thành phần

Dexchlorpheniramin maleat 2mg

Tá dược v.d 1 viên nén

(Tinh bột sắn, Lactose, Polyvinyl pyrrolidon K30, Magnesi stearat, Talc)

Quy cách đóng gói: kèm theo tờ hướng dẫn sử dụng thuốc.

Stt	Mô tả tóm tắt quy cách đóng gói	Stt	Mô tả tóm tắt quy cách đóng gói
1	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 10 vỉ	11	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 5 vỉ
2	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 20 vỉ	12	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 10 vỉ
3	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 30 vỉ	13	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 15 vỉ
4	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 50 vỉ	14	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 25 vỉ
5	Ép vỉ, vỉ 10 viên, hộp 100 vỉ	15	Ép vỉ, vỉ 20 viên, hộp 50 vỉ
6	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 2 vỉ	16	Đóng chai 100 viên
7	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 10 vỉ	17	Đóng chai 200 viên
8	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 20 vỉ	18	Đóng chai 250 viên
9	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 30 vỉ	19	Đóng chai 500 viên
10	Ép vỉ, vỉ 15 viên, hộp 50 vỉ	20	Đóng chai 1000 viên

Dược lực học

Dexchlorpheniramin là kháng histamin có rất ít tác dụng an thần, có tác dụng phụ chống tiết acetylcholin, nhưng tác dụng này khác nhau nhiều giữa các cá thể. Tác dụng kháng histamin của Dexchlorpheniramin thông qua phong bế cạnh tranh các thụ thể H₁ của các tế bào tác động.

Dược động học

Dexchlorpheniramin maleat hấp thu tốt qua đường tiêu hóa, thời gian bán hủy trong huyết tương từ 30 phút đến 1 giờ. Nồng độ đỉnh huyết tương đạt được trong khoảng 2,5 đến 6 giờ sau khi uống. Sinh khả dụng thấp, đạt 25-50%. Khoảng 70% thuốc tuần hoàn liên kết với protein. Thể tích phân bố khoảng 3,5 lít/kg đối với người lớn.

Dexchlorpheniramin chuyển hóa nhanh và nhiều. Thuốc được bài tiết chủ yếu qua nước tiểu dưới dạng không đổi hoặc chuyển hóa, sự bài tiết phụ thuộc vào pH và lưu lượng nước tiểu. Thời gian bán thải là 12-15 giờ.

Chỉ định

Trị số mũi dị ứng, viêm mũi (mùa hoặc quanh năm). Dị ứng do thức ăn, thuốc, ký sinh trùng, nổi mề đay, viêm kết mạc.

Liều dùng và cách dùng

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: uống 1 viên/ lần, ngày 3-4 lần.

Chống chỉ định

Quá mẫn với thành phần của thuốc. Nguy cơ glaucoma góc đóng. Nguy cơ bí tiểu do rối loạn niệu đạo, tuyến tiền liệt. Trẻ em dưới 12 tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú.

Thận trọng

Người lớn tuổi có khả năng cao bị hạ huyết áp tư thế, bị chóng mặt, buồn ngủ, bị táo bón kinh niên, bị sưng tuyến tiền liệt

Bệnh nhân suy gan, suy thận nặng do có nguy cơ tích tụ thuốc.

Tuyệt đối không uống rượu hay các thuốc có chứa rượu.

Phụ nữ mang thai: chỉ dùng cho người mang thai khi thật cần thiết. Dùng thuốc trong 3 tháng cuối của thai kỳ có thể dẫn đến những phản ứng nghiêm trọng (như cơn động kinh) ở trẻ sơ sinh.

Phụ nữ cho con bú: thuốc có thể tiết qua sữa mẹ và ức chế tiết sữa. Vì các thuốc kháng histamin có thể gây phản ứng nghiêm trọng với trẻ bú mẹ, nên cần cân nhắc hoặc không cho con bú hoặc không dùng thuốc, tùy thuộc mức độ cần thiết của thuốc đối với người mẹ.

Vaco-pola²

Người lái xe và vận hành máy móc

Thuốc có tác dụng an thần, không sử dụng cho người lái xe và vận hành máy móc.

Tác dụng không mong muốn

Buồn ngủ, mệt mỏi, chóng mặt và mất điều hòa vận động... các biểu hiện này sẽ giảm sau vài ngày điều trị.

Đau đầu, giảm trí tuệ, khô miệng, khô dịch tiết đường hô hấp, nhìn mờ, tiểu khó hoặc bí tiểu, táo bón và gia tăng trào ngược dạ dày.

Thỉnh thoảng có tác dụng phụ trên đường tiêu hóa như buồn nôn, nôn, tiêu chảy hoặc đau thượng vị.

Hội hộp, rối loạn nhịp tim. Đồ bồng mặt và các phản ứng quá mẫn như co thắt phế quản, phù mạch sốc phản vệ và phản ứng chéo với các kháng histamin khác.

Hiếm gặp: các bệnh về máu như mất bạch cầu hạt, giảm bạch cầu, thiếu máu tán huyết.

Có giât, đổ mồ hôi, đau cơ, dị cảm, phản ứng ngoại tháp, run, khó ngủ, trầm cảm, lú lẫn, ù tai, hạ huyết áp, rụng tóc.

Phản ứng nhạy cảm trên da như viêm da tróc vảy.

Thông báo cho Bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

Tương tác thuốc

Tăng tác dụng an thần của các thuốc ức chế thần kinh trung ương bao gồm alcohol, barbituric, thuốc ngủ, giảm đau gây nghiện, giải lo âu và chống loạn thần.

Tăng tác dụng kháng muscarin khi kết hợp với các thuốc kháng muscarin như atropin và 1 số thuốc chống trầm cảm (cả 3 vòng và IMAO)

Có thể che khuất các dấu hiệu nguy hiểm gây ra bởi các thuốc gây hại cho tai như kháng sinh nhóm aminoglycoside.

Có thể cản trở các phản ứng da đối với các chất gây dị ứng và nên ngưng dùng thuốc vài ngày trước khi làm các xét nghiệm trên da.

Quá liều và xử trí

* **Triệu chứng:** an thần, kích thích nghịch thường hệ TKTW, loạn tâm thần, cơn động kinh, ngừng thở, có giât, tác dụng chống tiết acetylcholin, phản ứng loạn trương lực và trụy tim mạch, loạn nhịp.

* **Điều trị triệu chứng và hỗ trợ chức năng sống, cần chú ý đặc biệt đến chức năng gan, thận, hô hấp, tim và cân bằng nước, điện giải.**

Rửa dạ dày hoặc gây nôn bằng siro ipeca. Sau đó, cho dùng than hoạt và thuốc tẩy để hạn chế hấp thu.

Khi gặp hạ huyết áp và loạn nhịp, cần được điều trị tích cực. Có thể điều trị có giât bằng tiêm tĩnh mạch diazepam hoặc phenytoin. Có thể phải truyền máu trong những ca nặng.

Hạn dùng, bảo quản, tiêu chuẩn áp dụng

- Hạn dùng: 48 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Bảo quản: nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng, nhiệt độ không quá 30°C.

- Tiêu chuẩn áp dụng: ĐEVN 4

Để xa tầm tay của trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin xin hỏi ý kiến của Bác sĩ.

Công ty Cổ Phần Dược VACOPHARM

59 Nguyễn Huệ, Phường 1, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An

ĐT: (0272) 3.829.311 • Fax: (0272) 3.822.244

Địa chỉ nhà máy: Km 1954, quốc lộ 1A, Phường Tân Khánh,
Thành phố Tân An, Tỉnh Long An • www.vacopharm.com